TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2019/DS-PT
Ngày: 10/5/2019.
V/v: *"Kiện đòi tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương
Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Quý
Bà Võ Thị Thanh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2019 về việc: "*Kiện đòi tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 61/2019/QĐ-PT ngày 15/3/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 147/2019/QĐ-PT ngày 24/4/2019 giữa các đương sự:

<u>*Nguyên đơn*</u>: Ông Phan Lê Lâm S, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Số A, đường B, phường C, quận D, thành phố H.
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số 4, đường E, phường G, quận H, thành phố H; (Văn bản ủy quyền ngày 05/9/2015).

<u>*Bị đơn*</u>: Chị Hoàng Thị Thảo P, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Số 31/3, ấp I, xã K, huyện L, tỉnh Đ.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Mộng T1, sinh năm 1966
Địa chỉ: Số 54 N, Phường O, thị xã P, tỉnh Đ.

<u>*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*</u>:
- Ông Hoàng Vĩnh P1, sinh năm 1963; Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1967; Cùng địa chỉ: Số 31/3, ấp I, xã K, huyện L, tỉnh Đ.
- Công ty Cổ phần V.
Địa chỉ: Số 18C-18D, Đường P, phường Q, quận R, thành phố H.
Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Lê Lâm S – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Địa chỉ: Số Số A, đường B, phường C, quận D, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2014, các lời khai tiếp theo tại tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thành H là người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Lê Lâm S trình bày:* Ngày 20/01/2011, ông S có cho chị P vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, không tính lãi suất, không có thế chấp tài sản. Thời hạn trả nợ ngày 20/7/2011, chị P có làm giấy viết tay ghi ngày 20/7/2011 và ký ghi rõ họ và tên. Đến hạn trả nợ, chị P không thực hiện thanh toán cho ông S số tiền trên. Nay ông S khởi kiện yêu cầu chị P phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông S số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất đối với bà P.

- *Theo bản tự khai ngày 18 tháng 9 năm 2014, các lời khai tiếp theo tại tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Mộng T trình bày:*

Ngày 20/01/2011, chị P có vay của ông S số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, không tính lãi suất. Thời hạn trả ngày 20/7/2011. Khi vay, chị P có làm giấy viết tay ghi ngày 20/01/2011, chị P đã ký ghi rõ họ và tên, bà xác định chữ ký ghi rõ họ và tên là đúng của chị P. Khi vay, chị P không có thế chấp tài sản gì cho ông P. Số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng chị P nợ ông S, ông P1 (ba chị P) đã đứng ra thanh toán thay cho chị P vào ngày 05/5/2012 tại Công ty Cổ phần V của ông S, có phiếu thu tiền và đóng dấu của Công ty. Nay ông S khởi kiện yêu cầu chị P phải hoàn trả cho ông S số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, chị P không đồng ý.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Vĩnh P1, bà Nguyễn Thị T2, người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Mộng T1 trình bày:* Chị Hoàng Thị Thảo Phương là con của ông Phúc, bà Thảo. Việc chị P vay tiền của ông S số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng vào năm 2011 là có thật, chị P vay tiền mục đích là để hỗ trợ thêm vốn cho vợ, chồng ông làm xưởng cưa. Việc vay nợ không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn thanh toán giữa ông Sơn và chị Phương thỏa thuận như thế nào vợ chồng ông không biết. Số tiền trên chị P trả cho ông S chưa vợ chồng ông không biết.

Đến tháng 3/2014, ông S khởi kiện chị P yêu cầu chị P phải trả cho ông S số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Đối với số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng chính ông là người mang trả cho cho ông Sơn vào ngày 05/5/2012, tại Công ty cổ phần V, có phiếu thu ghi ngày 05/5/2012, ông bà xác định số tiền chị P nợ của ông S, ông bà đã trả thay cho chị P xong. Nay ông S khởi kiện yêu cầu chị P phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông S số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng là không đúng, yêu cầu Tòa án xem xét.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* Công ty V đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức gửi qua dịch vụ bưu chính và đã được phát thành công đến người nhận nhưng Công ty Cổ phần V không có ý kiến nên không có lời khai.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 Nghị quyết Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Lê Lâm S đối với bị đơn chị Hoàng Thị Thảo P về việc "*Kiện đòi tài sản*".

Buộc chị Hoàng Thị Thảo P phải thanh toán cho ông Phan Lê Lâm S số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ các đương sự phải chịu, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 10/12/2018 bị đơn chị Hoàng Thị Thảo P có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Tòa sơ thẩm đã thu thập phiếu thu ngày 05/5/2012, số tiền 250.000.000 đồng thể hiện người nộp là ông Hoàng Vĩnh P cho Công ty ông Ông Phan Lê Lâm S, Phiếu thu thể hiện lý do nộp: Nộp tiền, thanh toán tiền nhà đất tại xã M, huyện L tỉnh Đ, không liên quan gì đến việc thành toán nợ thay cho chị P đối với số tiền chị P nợ ông S. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chị Hoàng Thị Thảo P, người đại diện hợp pháp cho chị P không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh cho việc đã trả tiền cho ông S. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Hoàng Thị Thảo P làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung kháng cáo của chị Hoàng Thị Thảo P xét thấy: Việc chị Phương cho rằng ông Hoàng Vĩnh P1 đã thanh toán toàn bộ 1,7 tỷ đồng tiền đất cho ông S vào ngày 12/7/2012 nên việc ông P1 trả 250.000.000 đồng vào ngày 05/5/2012 là tiền vay chứ không phải tiền đất là không có căn cứ bởi lẽ: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty V không đến tòa án làm việc và tham gia đối chất nên không có sự thừa nhận nào của công ty này về khoản tiền 250.000.000 đồng đã nhận của ông P1, vì thế nên chỉ căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết tranh chấp. Chứng cứ thể biên nhận ngày 05/5/2012 ghi nội dung thanh toán là trả tiền mua nhà, đất. Sau đó, ngày 12/7/2012 ông P1 và ông S tiếp tục ký hợp đồng thanh toán, trong hợp đồng này ghi nhận "Nay ông Hoàng Vĩnh P1 đã thanh toán 1,7 tỷ đồng cho ông S" là hợp lý, không thể hiện sự khuất tất. Bị đơn cho rằng, ngày 12/7/2012 là ngày thanh toán toàn bộ số tiền 1,7 tỷ đồng nên mới lập hợp đồng thanh toán, và không liên quan đến phiếu thu ngày 05/5/2012 nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh. Ngoài ra, nếu cho rằng phiếu thu ngày 05/5/2012 để trả nợ 200 triệu đồng thì số tiền còn thừa 50 triệu đồng bị đơn cũng không giải thích được một cách hợp lý.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị Thảo P, giữ nguyên bản án sơ thẩm thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L.

Áp dụng Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 Nghị quyết Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Lê Lâm S đối với bị đơn chị Hoàng Thị Thảo P về việc "*Kiện đòi tài sản*".

Buộc chị Hoàng Thị Thảo P phải thanh toán cho ông Phan Lê Lâm S số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

2. Chị Hoàng Thị Thảo P phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Hoàng Thị Thảo P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 4583 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đ.

Hoàn trả cho ông Phan Lê Lâm S 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 6410 ngày 21/3/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện L, tỉnh Đ.

3. Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa án, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thành Dương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thành Dương

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Xuân Lộc
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thành Dương